TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2017/DS-ST
Ngày: 25/7/2017.
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng và yêu cầu chấm dứt hành vi xả nước thải.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC TRỌNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phượng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Thị Ngọc

- Bà Đinh Thị Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Lường Thị Phương – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25/7/2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2016/TLST–DS ngày 11/01/2016 về việc: Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng và yêu cầu chấm dứt hành vi xả nước thải, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2017/QĐXXST-DS ngày 02/3/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị A; Trú tại: Thôn M, xã N, huyện T, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Vợ chồng ông Hồ Trọng C, bà Hồ Thị B; Cùng trú tại: Thôn M, xã N, huyện T, tỉnh Lâm Đồng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Uỷ ban nhân dân huyện T, tỉnh Lâm Đồng; Địa chỉ: Quốc lộ 20, thị trấn H, huyện T, tỉnh Lâm Đồng. Đại diện theo pháp luật: Ông Võ Văn D – Chức vụ: Chủ tịch.

Tại phiên tòa bà A có mặt; Vợ chồng ông C, bà B vắng mặt không có lý do; Đại diện Uỷ ban nhân dân huyện T có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các đơn khởi kiện bổ sung, biên bản lấy lời khai và lời khai tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Võ Thị A trình bày: Gia đình bà và vợ chồng ông C, bà B là hàng xóm. Gia đình bà có diện tích đất tại Thôn M, xã N, huyện T thuộc thửa đất số 612 tờ bản đồ số 27 đã được Uỷ ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 654680 cấp ngày 01/3/1996 cấp cho bà (Võ Thị A). Về nguồn gốc đất này là của bố mẹ chồng bà cho vợ chồng bà, sau khi vợ chồng bà ly hôn thì chồng bà giao lại cho bà, bà đã sinh sống và canh tác trên diện tích đất này từ B 1974 đến nay; Thửa đất số 650 tờ bản đồ số 27 tại Thôn M, xã N, huyện T là của vợ chồng ông C, bà B. Nguồn gốc đất này trước đây là của bà chuyển nhượng cho ông Ngô Văn D, sau đó vợ chồng ông C, bà B mới nhận chuyển nhượng lại của ông D. Ông C và bà B đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên bà không biết việc này và bà cũng không biết cơ quan chức năng có xuống đo đạc, xác định ranh giới đất hay không. Vợ chồng ông C, bà B lấn sang đất của bà và xả nước thải qua đất của bà làm chết của bà 02 cây cà phê, đồng thời việc xả nước thải sinh hoạt lâu ngày, gây ứ động, ô nhiễm và bốc mùi hôi thối nên bà đã nhiều lần yêu cầu gia đình bà B chấm dứt hành vi xả nước thải qua đất của bà nhưng ông C và bà B không nghe, do đó bà mới làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay, bà yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn vợ chồng ông C, bà B:

- Yêu cầu vợ chồng ông C, bà B trả lại cho bà phần diện tích đất đã lấn chiếm, cụ thể là: diện tích 1,2m^2 thuộc thửa đất số 611 và diện tích 20.7m^2 thuộc thửa đất số 612 tờ bản đồ số 27, địa chỉ thửa đất: thôn M, xã N, huyện T, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 654680 do Uy ban nhân dân huyện T cấp ngày 01/3/1996 cấp cho bà Võ Thị A, tổng cộng là 21,9m^2; bà A yêu cầu vợ chồng ông C, bà B trả lại bằng tiền, giá trị của 21,9m^2 theo giá Nhà nước quy định là 1.226.400 đồng.

- Yêu cầu vợ chồng ông C, bà B bồi thường giá trị 02 cây cà phê bị chết do nước thải sinh hoạt xả qua phần đất của bà, giá trị của 02 cây cà phê là 241.000 đồng

- Yêu cầu ông C, bà B chấm dứt hành vi xả nước thải sinh hoạt qua phần đất của bà.

Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Hồ Thị B trình bày: Bà A chuyển nhượng cho ông Ngô Văn D một lô đất chiều dài khoảng 150m và chiều ngang 10m, đến B 2007 vợ chồng bà nhận chuyển nhượng lại của ông D để làm nhà ở, đất đã được Uỷ ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 951141 cấp ngày 23/01/2008 cấp cho ông Hồ Trọng C và bà Hồ Thị B. Đến tháng 02/2009 gia đình bà làm nhà có trừ lại phía sau hồi khoảng 50cm để đặt ống nước thải nhưng chưa kịp làm. Đến B 2012 ông Lê Đức G không biết bà chừa đất phía bà A nên ông G kéo dây từ mép nhà bà sang phía đất ông Bình đúng 10m, nói đúng hơn là đất ông G còn nằm bên đất của gia đình bà nhưng theo bà, vợ chồng bà nhận chuyển nhượng đất của ông D nên đất của ông D đến đâu thì đất

của gia đình bà phải đến đó. Việc bà A khởi kiện nói vợ chồng bà lấn chiếm đất của bà A là hoàn toàn sai sự thật. Cách đây 05 B bà đã đặt ống nước thải và đào hầm phốt nhưng do bà A lên phá dở ống nước của bà nên nước thải của gia đình bà mới chảy sang đất trồng cà phê của bà A làm chết 02 cây cà phê của bà A.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà A, bà có ý kiến như sau: Bà không đồng ý trả lại diện tích đất 20.7m^2 (bà A yêu cầu trả bằng tiền, số tiền 1.226.400 đồng) cho bà A, vì bà không có lấn chiếm đất của bà A. Khi nào có kết quả giải quyết của Tòa án thì bà mới bít đường ống nước thải. Bà đồng ý bồi thường cho bà A 02 cây cà phê giá trị 241.000 đồng.

Bị đơn ông Hồ Trọng C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến làm việc nhiều lần nhưng không đến, ông cũng không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình cũng như các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Uỷ ban nhân dân huyện T, tỉnh Lâm Đồng: Không có ý kiến gì đối với vụ án.

Quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Võ Thị A cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm có: Đơn khởi kiện đề ngày 23/10/2015, ngày 16/11/2015 (bản chính), biên bản hòa giải tranh chấp tại Uỷ ban nhân dân xã Ninh Gia (bản chính), Công văn số 53/UBND ngày 04/8/2015 của Uỷ ban nhân dân xã Ninh Gia (bản chính), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 654680 (bản chứng thực), giấy chứng minh nhân dân của bà A (bản phô tô Thẩm phán đã đối chiếu với bản chính), Họa đồ đo đạc chỉnh lý riêng từng thửa đất của bản đồ địa chính và Thông báo số 3741/TB-VPĐKĐĐ, 3742/TB-VPĐKĐĐ ngày 17/6/2016 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đức Trọng (bản chính), đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 29/8/2016 (bản chính), 02 hóa đơn bán hàng ngày 17/6/2016 (bản chính) về việc đo đạc chỉnh lý theo hợp đồng số 11/HĐ ngày 01/3/2016.

Bị đơn bà Hồ Thị B cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm có: Bản tự khai (bản chính), 01 đơn xin trình bày và đề nghị ngày 20/01/2016 (bản chính), Giấy chứng minh nhân dân bà B (bản phô tô Thẩm phán đã đối chiếu với bản chính), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 951141 (bản phô tô Thẩm phán đã đối chiếu với bản chính), đơn xin trình bày gửi đến Tòa án ngày 27/9/2016 (bản chính).

Bị đơn ông C, Uỷ ban nhân dân huyện T không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào.

Các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được gồm có: Biên bản đo đạc tài sản và biên bản định giá tài sản ngày 23/3/2016 (bản chính), Công văn số 248/TNMT ngày 22/7/2016 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T (bản chính) có kèm theo hồ sơ trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Võ Thị A và bà Hồ Thị B, ông Hồ Trọng C.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng tại phiên họp ngày 10/8/2016 hòa giải không thành;

tại các phiên họp ngày 28/9/2016 và ngày 26/10/2016 vợ chồng ông C, bà B vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án đã tiến hành phiên họp vắng mặt ông C, bà B và đã thông báo kết quả phiên họp cho ông C, bà B được biết; tại phiên họp ngày 21/02/2017 do vợ chồng ông C, bà B vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành phiên họp được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà A rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn vợ chồng ông C, bà B trả cho bà diện tích đất 21,9m^2, trả lại bằng tiền theo giá Nhà nước quy định là 1.226.400 đồng; đối với yêu cầu buộc vợ chồng ông C, bà B bồi thường cho bà 02 cây cà phê bị chết do nước thải sinh hoạt xả qua phần đất của bà là 241.000 đồng và yêu cầu vợ chồng ông C, bà B chấm dứt hành vi xả nước thải sinh hoạt qua phần đất của bà, bà vẫn giữ nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán chấp hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng người tham gia tố tụng, tống đạt các giấy tờ cho đương sự đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ các quy định của luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Do nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả lại diện tích đất 21,9m^2, trả lại bằng tiền theo giá Nhà nước quy định là 1.226.400 đồng; chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn bồi thường 02 cây cà phê bị chết do nước thải sinh hoạt xả qua phần đất của nguyên đơn là 241.000 đồng và buộc bị đơn chấm dứt hành vi xả nước thải sinh hoạt qua phần đất của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Võ Thị A khởi kiện yêu cầu bị đơn vợ chồng ông Hồ Trọng C, bà Hồ Thị B trả lại diện tích đất 21,9m^2, bồi thường 02 cây cà phê và yêu cầu bị đơn chấm dứt hành vi xả nước thải sinh hoạt qua phần đất của nguyên đơn, do đó xác định quan hệ pháp luật là: "*Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng và yêu cầu chấm dứt hành vi xả nước thải"* giữa nguyên đơn bà Võ Thị A với bị đơn vợ chồng ông Hồ Trọng C, bà Hồ Thị B; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Uỷ ban nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 6, khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ

luật Tố tụng dân sự B 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt đến lần thứ 02 dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, Ủy ban nhân dân huyện Đức Trọng có đơn xin vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự B 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

[2] Về nội dung:

- Tại phiên tòa nguyên đơn bà A rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn vợ chồng ông C, bà B trả cho bà diện tích đất 21,9m^2, trả lại bằng tiền theo giá Nhà nước quy định là 1.226.400 đồng. Xét thấy, việc bà A rút một phần yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện nên được chấp nhận, do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự B 2015 đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của bà A.

- Đối với việc nguyên đơn bà A yêu cầu bị đơn vợ chồng ông C, bà B bồi thường cho bà A 02 cây cà phê bị chết do nước thải sinh hoạt của nhà ông C, bà B xả qua phần đất của bà là 241.000 đồng. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà A thấy rằng: Tại biên bản hòa giải ngày 10/8/2016 và đơn xin trình bày của bà B thì bà B cho rằng cách đây 05 B bà đã đặt ống nước thải và đào hầm phốt nhưng bà A phá dỡ ống nước của bà nên nước tắm của gia đình bà mới chảy sang phần cà phê của bà A làm chết 02 cây cà phê thì bà đồng ý bồi thường cho bà A, còn bít đường ống nước thì chưa được, đợi lúc cắm mốc xong bà mới làm ống dẫn nước. Như vậy, bà B thừa nhận hiện nay phần nước sinh hoạt từ nhà vệ sinh của bà xả trực tiếp qua phần đất trồng cà phê của bà A làm chết của bà A 02 cây cà phê và đồng ý bồi thường cho bà A giá trị của 02 cây cà phê, 01 cây cà phê Robusta 07 B tuổi có giá 177.000 đồng và 01 cây cà phê Katimo 07 B tuổi có giá 64.000 đồng, tổng cộng là 241.000 đồng, do đó buộc bị đơn vợ chồng ông C, bà B phải bồi thường cho bà A số tiền này.

- Đối với việc nguyên đơn bà A yêu cầu bị đơn vợ chồng ông C, bà B chấm dứt hành vi xả nước thải sinh hoạt qua phần đất của bà. Xét thấy, việc vợ chồng ông C, bà B trực tiếp xả nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh của mình qua phần đất trồng cà phê của bà A, không những làm chết cà phê của bà A mà còn làm bốc mùi hôi thối trên phần đất của bà A, vợ chồng ông C, bà B đã vi phạm quy định về nghĩa vụ của chủ sở hữu trong việc thoát nước thải, vì vậy bà A yêu cầu vợ chồng ông C, bà B chấm dứt hành vi xả thải nước sinh hoạt qua phần đất của bà A là có cơ sở chấp nhận.

Về chi phí tố tụng: Do bà A rút phần yêu cầu khởi kiện đối với tranh chấp quyền sử dụng đất nên nguyên đơn phải chịu chi phí đo đạc, định giá quyền sử dụng đất, tổng cộng là 4.287.000 đồng số tiền này nguyên đơn đã nộp đủ và đã được thanh toán xong.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên hoàn trả cho nguyên đơn số tiền án phí đã dự nộp 200.000 đồng, bị đơn phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 6, 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 4 Điều 157, khoản 4 Điều 165, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự B 2015;

- Căn cứ Điều 270, Điều 604, Điều 608 Bộ luật Dân sự 2005;

- Căn cứ khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009.

Xử:

- Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của nguyên đơn bà Võ Thị A về việc khởi kiện bị đơn vợ chồng ông Hồ Trọng C, bà Hồ Thị B trả lại cho bà diện tích đất 21,9m^2, theo giá Nhà nước quy định là 1.226.400 đồng.

- Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị A về việc khởi kiện bị đơn vợ chồng ông Hồ Trọng C, bà Hồ Thị B bồi thường cho bà giá trị 02 cây cà phê bị chết và chấm dứt hành vi xả nước thải sinh hoạt qua phần đất của bà.

+ Buộc vợ chồng ông Hồ Trọng C, bà Hồ Thị B phải bồi thường cho bà Võ Thị A giá trị 02 cây cà phê bị chết do nước thải xả qua là 241.000 đồng (Hai trăm bốn mươi mốt nghìn).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự B 2015.

+ Buộc vợ chồng ông Hồ Trọng C, bà Hồ Thị B chấm dứt hành vi xả nước thải sinh hoạt qua phần đất trồng cà phê của bà Võ Thị A.

Về chi phí tố tụng: Bà Võ Thị A phải chịu chi phí đo đạc, định giá đất là 4.287.000 đồng, nguyên đơn đã nộp xong.

Về án phí: Hoàn trả cho bà Võ Thị A 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đã tạm nộp theo biên lai thu số AA/2013/0005828 ngày 11/01/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Vợ chồng ông Hồ Trọng C, bà Hồ Thị B phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; vợ chồng ông C, bà B, Uỷ ban nhân dân huyện T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THA DS huyện T;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lê Thị Phượng Diễm

tại Điều 270 Bộ luật Dân sự 2005 theo quy định: *"Chủ sở hữu nhà phải làm cống ngầm hoặc rãnh thoát nước để đưa nước thải ra nơi quy định, sao cho nước thải không chảy tràn sang bất động sản của chủ sở hữu bất động sản liền kề, ra đường công cộng hoặc nơi sinh hoạt công cộng làm ô nhiễm môi trường"* vì vậy